

XEM XÉT KINH TẾ VIỆT NAM TRONG SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2024 - NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Lê Văn Cường¹

Trường Kinh tế Paris, Paris, Pháp

Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học Pháp, Paris, Pháp

Nguyễn Hữu Thành Tâm

Trường Quản trị Kinh doanh Normandie, Le Havre, Pháp

Phạm Ngọc Sáng

Trường Quản trị Kinh doanh Normandie, Caen, Pháp

Ngày nhận: 03/12/2024; Ngày hoàn thành biên tập: 16/01/2025; Ngày duyệt đăng: 21/01/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.122024.1212>

Tóm tắt: Với thông tin và dữ liệu được thu thập từ Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổng cục Thống kê, bài viết thực hiện một số phân tích về nền kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024. Các vấn đề được phân tích gồm có tăng trưởng, đầu tư nước ngoài và thương mại. Trong đó, tăng trưởng kinh tế đã hồi phục lại với tốc độ trước khi đại dịch COVID-19 diễn ra. Đầu tư nước ngoài tăng nhưng đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn là 0,4% tổng vốn đầu tư nước ngoài. Xuất khẩu có tăng trưởng nhưng vẫn chiếm tỉ trọng khiêm tốn trong tăng trưởng GDP. Bên cạnh đó, chỉ số ICOR của Việt Nam đạt 4,25, điều này cho thấy kinh tế Việt Nam hoạt động hiệu quả hơn. Tuy nhiên trong tương lai, kinh tế Việt Nam muốn phát triển bền vững và tránh bẫy tăng trưởng trung bình của thu nhập thì cần có “đòn bẩy” là đổi mới sáng tạo. Lấy cảm hứng từ nghiên cứu của Philippe Aghion và Peter Howitt, bài viết này đề xuất một mô hình tăng trưởng kinh tế đơn giản nhằm giải thích ảnh hưởng của đổi mới sáng tạo đến sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Đây là đóng góp quan trọng của nghiên cứu, giúp mở ra những hướng nghiên cứu mới về đổi mới sáng tạo và vai trò của nó đối với tăng trưởng kinh tế.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, Tăng trưởng kinh tế, Mô hình lý thuyết, Việt Nam

VIETNAM'S ECONOMIC OUTLOOK FOR THE FIRST SIX MONTHS OF 2024 - LOOKING TO THE FUTURE

Abstract: Based on data collected from the World Bank, International Monetary Fund, and General Statistics Office, this study analyzes the Vietnamese economy

¹ Tác giả liên hệ, Email: Cuong.Le-Van@univ-paris1.fr

in the first six months of 2024. The analyzed aspects include growth, foreign investment, and trade. In particular, economic growth has recovered to the rate before the COVID-19 pandemic. Foreign investment has increased, but investment in the professional, scientific, and technological fields accounts for only 0.4%. Exports have increased but still account for a modest proportion of GDP growth. Additionally, Vietnam's ICOR index reached 4.25, indicating that the economy is operating more efficiently. However, in the future, if the Vietnamese economy wants to develop sustainably and avoid the middle-income growth rate trap, the country needs a "lever" of innovation. Inspired by the research of Philippe Aghion and Peter Howitt, this paper proposes a simple economic growth model to explain the impact of innovation on the economic development of a country. This is an important contribution of the study, opening up new research directions on innovation and its role in economic growth.

Keywords: Innovation, Economic Growth, Theoretical Model, Vietnam

1. Lời mở đầu

Với những thông tin và số liệu được thu thập từ Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF), Tổng cục Thống kê (GSO), nghiên cứu đã phân tích nền kinh tế Việt Nam trong sáu tháng đầu năm 2024. Từ đó, nghiên cứu trình bày một số suy nghĩ cho nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đưa ra một mô hình lý thuyết đơn giản để giải thích tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo đến sự phát triển kinh tế.

2. Tổng quan về tình hình kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024

Tăng trưởng

Tỷ lệ tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm 2024 của Việt Nam được ước tính là 6,4 %. Tỷ lệ này là một trong những tỷ lệ cao nhất ở Châu Á, trước Indonesia (5,8%), Thái Lan (2,8%), Singapore (2,6%), Philippines (5,8%), Trung Quốc (4,8%) và chỉ sau Ấn Độ (7%).

Dự báo đến cuối năm 2024, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tăng và đạt 6,8%. Một số báo chí viết là kinh tế Việt Nam đã phục hồi. Điều này là tương đối chính xác, vì năm 2019, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 6,8%, năm 2022 là 8%. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam sụt xuống 5,3%. Theo Le-Van & Tran-Nam (2023), sau đại dịch COVID-19, khi bộ máy kinh tế trở lại bình thường, tăng trưởng lúc đầu sẽ cao hơn tăng trưởng trước dịch nhưng sau đó sẽ trở lại tốc độ trước dịch. Tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn COVID-19 bị sa sút vì một số nhà máy ngưng hoạt động hay hoạt động chậm lại. Nói cách khác, với dịch COVID-19, năng suất tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế giảm. Sau đại dịch COVID-19, năng suất tổng hợp phục hồi. Do đó, tăng trưởng sẽ trở lại với tốc độ trước đại dịch. Nếu không có chính sách kinh tế mới mẻ, tốc độ tăng trưởng sẽ trở lại từ 6 đến 7%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sáu tháng đầu năm 2024 vào Việt Nam đạt 7,3 tỷ USD (tính theo giá trị USD năm 2010), tương đương 4,9% GDP. Đầu tư vào bất động sản, dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm 12% FDI, khu công nghiệp, chế biến chế tạo chiếm 64% FDI, trong khi đó đầu tư nước ngoài vào hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ chỉ chiếm 0,4% FDI.

Tổng vốn FDI từ nhóm các nước Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan vào Việt Nam chiếm 52%, Trung Quốc chiếm 2,4%, Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 7,1%. Về FDI, có lẽ Việt Nam nên quan tâm đến nhóm Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi đó, 6 tháng đầu năm 2024, dòng vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam còn khiêm tốn.

Xuất nhập khẩu

Xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2024 theo giá cố định USD năm 2010 là 104,25 tỷ USD, tăng 15,8% so với năm 2023. Nhập khẩu 2024 đạt 97,8 tỷ USD, tăng 17,8 % so với 2023. Giá trị xuất siêu năm 2024 (6,47 tỷ USD) lại thấp hơn giá trị xuất siêu năm 2023 (6,9 tỷ USD).

Những mặt hàng có giá trị tương đối cao như máy vi tính, sản phẩm điện tử, điện thoại, máy móc, thiết bị, phụ tùng ô tô, tàu thuyền các loại, phương tiện vận tải chiếm 50% trị giá hàng xuất khẩu. Đây được coi là điểm tích cực. Tuy nhiên, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước chiếm 94%. Như vậy, sản xuất trong nước còn khá phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong tương lai, Việt Nam nên quan tâm đến việc sản xuất tư liệu sản xuất.

Tỉ trọng xuất khẩu năm 2024 có vai trò khiêm tốn trong tăng trưởng GDP của Việt Nam. GDP 6 tháng đầu năm 2024 là 149 tỷ USD (theo giá trị USD năm 2010). Giá trị xuất siêu (6,5 tỷ USD) tương đương 4,3% GDP. Khu vực có vốn FDI đã nhập khẩu 63% (tương đương với 61,6 tỷ USD năm 2010) tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa của cả nước. Nhưng cũng chính khu vực ấy xuất khẩu 75 tỷ USD (theo giá trị USD năm 2010), tương đương 72% giá trị xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Dựa theo số liệu của Tổng cục Thống kê trong 6 tháng đầu năm 2024, các chỉ số sau đây có thể tính toán như sau: tỷ lệ tổng đầu tư (bao gồm nội địa và FDI) đạt 27,8%, đây được coi là tỷ lệ rất cao; tỷ lệ đầu tư nội địa đạt xấp xỉ 23%. Kim ngạch xuất khẩu đóng góp 4,3% vào tăng trưởng GDP, tỷ lệ tiêu dùng nội địa đạt 61,9%, cầu (demand) nội địa đạt 90,8% GDP. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) đạt 4,25; chỉ số này của nước ta trước thời kỳ đại dịch COVID-19 đạt 6. Tại các nước phát triển, chỉ số ICOR thường đạt khoảng 2. Điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam không những phục hồi mà còn hoạt động tốt hơn trước giai đoạn đại dịch.

Thông qua việc tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam trong 6 tháng năm 2024, nghiên cứu có thể rút ra một số kết luận sau. Thứ nhất, Việt Nam đã nhập khẩu 91,9 tỷ USD tư liệu sản xuất, tương đương 61,7% GDP của 6 tháng đầu năm 2024. Như vậy, để sản xuất Việt Nam đã phải nhập rất nhiều tư liệu sản xuất. Đây là điểm Việt Nam cần khắc phục. Thứ hai, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Theo Tổng cục Thống kê, gần 72% giá trị xuất khẩu hàng hóa (75 tỷ USD theo giá trị năm 2010) của Việt Nam đến từ khu vực này trong khi đó giá trị nhập khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 63% (61,6 tỷ USD theo giá trị năm 2010) tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa của cả nước. Như vậy, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, trong 6 tháng đầu năm 2024, đã đóng góp 13 tỷ USD (theo giá trị USD năm 2010) hay tương đương với 8,7% GDP. Nói cách khác, đóng góp cho GDP của các khu vực kinh tế không có vốn đầu tư nước ngoài là -2,3% (6,4% - 8,7%). Cần phải nhấn mạnh thêm rằng tỉ trọng này không chỉ là trường hợp cá biệt của năm 2024. Tính từ năm 2015 đến năm 2023 (sơ bộ), tỉ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, trong khi tỉ trọng nhập khẩu luôn dao động trong khoảng 60%. Ngoài ra, cũng cần lưu ý tránh để các công ty nước ngoài biến Việt Nam thành “bãi rác công nghệ” (Giang, 2016) hay gây ra thảm họa môi trường như sự cố Formosa năm 2016. Thứ ba, xuất khẩu là một thành phần quan trọng trong tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, dựa theo dự báo của IMF, tình hình tăng trưởng của thế giới trong những năm tới cũng sẽ không cao hơn năm 2024 (từ 2,5% đến 3%) và vì vậy, sẽ không thúc đẩy xuất khẩu tăng mạnh được. Thứ tư, chỉ số ICOR cho thấy kinh tế Việt Nam hoạt động hiệu quả hơn trước. Thứ năm, nếu không có “đòn bẩy” thì kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng với tốc độ 6 hay 7%. Trong tương lai, muốn phát triển bền vững và tránh bẫy tăng trưởng trung bình của thu nhập thì đổi mới sáng tạo sẽ là “đòn bẩy” phát triển nền kinh tế Việt Nam.

3. Đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế

Trước tiên, đổi mới sáng tạo được định nghĩa dựa vào công trình nghiên cứu của Aghion & Howitt (2024). Hai kinh tế gia này đã ứng dụng lý thuyết kinh tế của Schumpeter (1942) về sự hủy diệt mang tính sáng tạo (Creative destruction). Sáng tạo những công nghệ mới thì song song sẽ hủy những công nghệ “lỗi thời”.

Tại mỗi thời điểm, sản xuất ở một nước sẽ phụ thuộc vào tăng trưởng của tham số gọi là năng suất tổng hợp (mô hình tăng trưởng tân cổ điển), ký hiệu là TFP. Tăng trưởng của TFP gồm hai yếu tố. Một là, sử dụng (có thể cải tiến thêm) các công nghệ đã có sẵn mà nước ấy đã nhập. Giai đoạn này ta gọi là “bắt chước” (imitation). Một nước sẽ bắt chước ít hay nhiều tùy theo khoảng cách giữa công nghệ của toàn cầu (gọi là biên của công nghệ hay technology frontier) và công nghệ của nước ấy. Nếu khoảng cách cao thì nước ấy sẽ tập trung nhiều vào bắt chước. Hai là, sáng tạo công nghệ mới sau khi đã hủy các công nghệ “lỗi thời”. Một nước tiên tiến, khi

công nghệ của họ đã đạt nền công nghệ thế giới (biên của công nghệ) thì họ sẽ đầu tư vào nghiên cứu để làm tăng biên của công nghệ, từ đó sẽ tăng trưởng cao hơn.

Hiện nay, các nước trên thế giới chia ra làm hai loại: những nước làm tăng biên của công nghệ (nước dẫn đầu hay leader) và các nước theo sau tập trung vào bắt chước (followers). Nhưng dẫn đầu, ở trong giai đoạn bắt chước hay sáng tạo, thì cần phải có nguồn nhân lực chất lượng cao. Kiến thức này được truyền đạt qua giáo dục đào tạo, đặc biệt ở bậc giáo dục đại học.

Theo Trần (2022), hiện trạng về đào tạo nguồn nhân lực trong trường đại học Việt Nam cũng được chính các nhà nghiên cứu trong nước đúc rút: (1) Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Về phương pháp và hình thức dạy học, nhiều trường đại học chưa tiếp cận phương pháp ‘lấy người học làm trọng tâm; (3) Giáo dục đại học Việt Nam tương đối “khép kín” chưa tạo được liên thông giữa các chuẩn mực giáo dục đại học trong nước và quốc tế; (4) Dù đã có chuyển biến trong thời gian gần đây nhưng số lượng các công bố quốc tế của các trường đại học ở Việt Nam vẫn còn thua kém nhiều nước trong khu vực; (5) Cần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Như vậy, để tăng trưởng kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo, Việt Nam phải đẩy mạnh hơn nữa việc nâng cao chất lượng của giáo dục đào tạo ở cấp đại học và sau đại học.

Ngoài ra, để thực hiện đổi mới sáng tạo, Việt Nam đầu tư về nguồn lực tài chính. Ví dụ, hàng năm tại Pháp, khoảng 2,2% GDP được chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), trong đó 66% do các công ty chi, 34% được chi từ các cơ quan chính quyền. Mức chi cho hoạt động R&D trong năm 2021 ở Trung Quốc tương ứng với 2,4% GDP, ở Thái Lan là 1,2% GDP. Trong khi đó, mức chi cho hoạt động R&D ở Việt Nam chỉ ở khoảng 0,4% GDP.

Giả sử, nếu Việt Nam muốn để 1% GDP mỗi năm cho hoạt động R&D, tương đương khoảng 4 tỷ USD theo giá hiện hành, Việt Nam cần đầu tư thêm 2,4 tỷ USD. Nếu dựa theo kinh nghiệm của Pháp (70% các công ty chi, 30% nhà nước chi), các công ty sẽ phải chi thêm khoảng 1,68 tỷ USD mỗi năm cho R&D. Câu hỏi đặt ra ở đây là cần tìm kiếm nguồn lực này ở đâu và thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào nguồn lực này như thế nào. Ở Việt Nam có nhiều tập đoàn kinh tế. Ví dụ, công ty VinBrain do tập đoàn Vingroup thành lập đã sát nhập vào tập đoàn NVIDIA. Tập đoàn NVIDIA dự tính xây dựng ở Việt Nam hai trung tâm: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Việt Nam (Vietnam Research and Development Centre - VRDC) và Trung tâm Dữ liệu (The AI Data Centre) để phát triển nghiên cứu và triển khai trí tuệ nhân tạo (AI). Trước đó, NVIDIA đã có kế hoạch xây dựng ở Việt Nam một cơ sở về công nghệ bán dẫn. Vậy tại sao Trung tâm đổi mới sáng tạo (NIC) vẫn tuyên bố cần kỹ sư giỏi cho ngành bán dẫn (chỉ tiêu: 42,000 kỹ sư, 7,500 sinh viên thạc sĩ và 500 NCS cho năm 2035). Công ty SOVICO cũng tuyên bố là được giao cho sứ mệnh hỗ trợ NIC. Vậy vai trò của tập đoàn SOVICO như thế nào, có thể một

mình đầu tư nguồn lực tài chính vào NIC hay không. Ở đây, đóng góp của NVIDIA vào đổi mới sáng tạo tương đối rõ: AI (sát nhập VinBrain, hợp tác với FPT và theo như NVIDIA đã tuyên bố, với hơn 100 công ty khởi nghiệp ở Việt Nam). Ngoài ra, NVIDIA cùng với Synopsis, A SML, TSMC hợp tác với Viettel, tập đoàn SOVICO về công nghiệp bán dẫn để sản xuất chip. Những hợp tác nêu trên cho thấy vai trò rất quan trọng của NVIDIA. Có thể nhận thấy, so với NVIDIA, đóng góp của SOVICO là tương đối “mờ nhạt”.

Những hoạt động đổi mới sáng tạo nêu trên đang tập trung vào giai đoạn bất chước của quá trình đổi mới sáng tạo. Vậy làm sao để nền kinh tế Việt Nam chuyển qua giai đoạn sáng tạo của quá trình đổi mới sáng tạo. Phải chăng sẽ do các trường đại học tư nhân đảm nhiệm?

Nhìn chung, nghiên cứu đánh giá đường lối phát triển kinh tế Việt Nam dựa vào đổi mới sáng tạo là đúng. Do đó, có hai điểm cần chú ý. Thứ nhất, tương tự như tình hình kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024, đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong giai đoạn đầu sẽ dựa vào nguồn lực bên ngoài. Thứ hai, cần phải tạo nội lực cho Việt Nam cho giai đoạn đổi mới sáng tạo về sau. Do đó, tình hình đội ngũ khoa học hiện có ở Việt Nam và nước ngoài cần phải được quan tâm. Ngoài ra, phải đánh giá khả năng tham gia của các tập đoàn tư nhân một cách hiệu quả để đào tạo nguồn nhân lực, kiến thức và nguồn tài chính cho giai đoạn sau. Cuối cùng, đối với những người làm nghiên cứu trong ngành kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhận thức, là nhiều lúc để tìm ra những cái mới, cần phải vượt qua những khung kiến thức không phù hợp, cần phải có trí "tưởng tượng" những cái chưa tồn tại, những mô hình mới. Để từ đó, qua thực tiễn, kiểm định những mô hình mới và đóng góp vào việc phát triển khối kiến thức của nhân loại. Nếu không được tự do suy nghĩ, tự do nghiên cứu thì khó lòng làm đổi mới sáng tạo.

4. Bất chước hay sáng tạo? Góc nhìn từ một mô hình lý thuyết đơn giản

Lấy cảm hứng từ công trình nghiên cứu của Aghion & Howitt (2024), nghiên cứu trình bày một mô hình tăng trưởng kinh tế đơn giản nhằm giải thích ảnh hưởng của đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Câu hỏi đặt ra là: khi nào nên bắt chước thế giới (hoặc đi mua công nghệ) và khi nào phải nghiên cứu, sáng tạo công nghệ mới?

Giả sử hàm sản xuất của nền kinh tế là $y_t = A_t^{1-\alpha} k_t^\alpha$ với $0 < \alpha < 1$, k_t là lượng vốn máy móc, y_t là sản lượng và A_t là năng suất các nhân tố tổng hợp (Total Factor Productivity - TFP). Với giả định này, tốc độ tăng của sản lượng có thể được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tốc độ tăng sản lượng} &= (1-\alpha) * (\text{Tốc độ tăng năng suất}) \\ &+ \alpha * (\text{Tốc độ tăng của vốn}). \end{aligned} \tag{1}$$

Tại mỗi thời kỳ t nào, biên công nghệ (tức là giá trị tối đa của năng suất ở các nước khác trên thế giới) được biểu thị bằng \bar{A}_t . Giả sử rằng $\bar{A}_t = a_0 e^{at}$, ở đó a_0 , a là các tham số ngoại sinh và dương.

Giải thích sự thay đổi ΔA_t của năng suất A_t bằng phương trình sau:

$$\Delta A_t = \mu_n(\gamma A_t - A_t) + \mu_m(\bar{A}_t - A_t), \quad (2)$$

trong đó, γ là biến ngoại sinh.

$\gamma A_t - A_t$ chính là chênh lệch giữa việc tạo ra công nghệ và năng suất γA_t và sự phá hủy đi công nghệ và năng suất cũ A_t . Tham số γ thể hiện là năng lực sáng tạo và đổi mới của nền kinh tế.

Đại lượng $\mu_m(\bar{A}_t - A_t)$ biểu thị cho ảnh hưởng của việc bắt chước công nghệ trên thế giới đến năng suất lao động của quốc gia. Khi A_t càng gần \bar{A}_t thì đại lượng này càng nhỏ. Điều đó chỉ cho thấy, khi càng ở gần biên công nghệ thì ảnh hưởng của việc bắt chước càng thấp.

Để có thể dễ dàng tính A_t , mô hình với thời gian liên tục được sử dụng như sau:

$$\dot{A}_t = \mu_n(\gamma A_t - A_t) + \mu_m(\bar{A}_t - A_t) = (\mu_n(\gamma - 1) - \mu_m)A_t + \mu_m \bar{A}_t \quad (3)$$

trong đó, \dot{A}_t là đạo hàm của hàm số A_t theo biến thời gian t . Từ đây, A_t có thể được tính bằng công thức sau:

$$A_t = \left(A_0 - \frac{\mu_m a_0}{a - \mu}\right)e^{\mu t} + \frac{\mu_m a_0}{a - \mu}e^{at}, \quad (4)$$

trong đó, $\mu = \mu_n(\gamma - 1) - \mu_m$.

Hai trường hợp được xem xét gồm :

Trường hợp thứ nhất: $\mu > a$. Để hiểu điều kiện này, có thể dễ ý thấy nó tương đương với

$$\mu_n(\gamma - 1) - \mu_m > a.$$

Điều đó cho thấy năng lực sáng tạo γ tương đối tốt. Giả sử rằng trình độ phát triển hiện tại của quốc gia cũng khá tốt, theo nghĩa $A_0 - \frac{\mu_m a_0}{a - \mu} > 0$.

Công thức của năng suất được viết lại như sau:

$$A_t = A_0 e^{\mu t} + \frac{\mu_m a_0}{\mu - a} (e^{\mu t} - e^{at}). \quad (5)$$

Như vậy, về lâu dài thì năng suất A_t sẽ tăng ngang với tốc độ của $\frac{\mu_m a_0}{\mu - a} e^{\mu t}$ vì $\mu > a$. Về mặt toán học nghĩa là $\lim_{t \rightarrow \infty} \frac{A_t}{\frac{\mu_m a_0}{\mu - a} e^{\mu t}} = 1$. Như vậy, tốc độ tăng năng suất sẽ phụ thuộc rất lớn vào khả năng sáng tạo γ và trình độ hiện tại A_0 .

Mở rộng bằng cách giả sử rằng sự thay đổi của A_t như sau:

$$\dot{A}_t = [\mu_n(\gamma - 1)]A_t + \mu_m \max\{0, \bar{A}_t - A_t\}. \quad (6)$$

Đại lượng $\max\{0, \bar{A}_t - A_t\}$ bằng 0 nếu năng suất A_t của quốc gia này đã vượt trên ngưỡng của biên công nghệ \bar{A}_t .

Giả sử T là thời điểm mà $\bar{A}_T = A_T$. Sau thời điểm T, sự thay đổi của A_t được biểu thị bởi

$$\dot{A}_t = [\mu_n(\gamma - 1)]A_t$$

và nghiệm là:

$$A_t = A(T)e^{\mu_n(\gamma-1)(t-T)}.$$

Như vậy, năng suất lúc này sẽ chỉ phụ thuộc vào nội lực của quốc gia vì đã ở ngưỡng trên của biên công nghệ.

Trường hợp thứ hai: $\mu < a$. Điều này tương đương với

$$\gamma - 1 < \frac{a}{\mu^n} + \frac{\mu_m}{\mu_n}$$

nghĩa là năng lực sáng tạo của quốc gia thấp. Trường hợp này cũng tính được:

$$A_t = A_0 e^{\mu t} + (e^{at} - e^{\mu t}) \frac{\mu_m a_0}{a - \mu}.$$

Tuy nhiên, về lâu dài thì A_t sẽ tăng ngang với tốc độ của $e^{at} \frac{\mu_m a_0}{a - \mu}$ vì $\mu < a$. Về mặt toán học nghĩa là $\lim_{t \rightarrow \infty} \frac{A_t}{e^{at} \frac{\mu_m a_0}{a - \mu}} = 1$. Điều đó cho thấy quốc gia mãi mãi là “kè” đi sau và bất chước công nghệ trên thế giới. Đóng góp của sáng tạo của quốc gia là không đáng kể.

Tóm lại, nếu tham số γ cao thì quốc gia là nước dẫn đầu và nếu γ thấp thì quốc gia là “kè” đi sau. Giá trị của γ phụ thuộc vào số tiền dành cho giáo dục, đào tạo và đổi mới sáng tạo. Đương nhiên, nó cũng phụ thuộc vào chất lượng quản lý của những quá trình này.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích tổng quan về tình hình kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024. Dựa trên dữ liệu kinh tế vĩ mô Việt Nam, nghiên cứu thấy rằng, thứ nhất, FDI đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực kinh tế, đặc biệt trong hoạt động xuất nhập khẩu. Đối với hoạt động xuất nhập khẩu, hoạt động xuất khẩu có nhiều đóng góp vào tăng trưởng GDP, tuy nhiên Việt Nam vẫn đang phải nhập khẩu lượng lớn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Thứ hai, chỉ số ICOR cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi tốt sau đại dịch COVID-19 và hoạt động hiệu quả hơn. Cuối cùng, Việt Nam cần tăng cường đổi mới sáng tạo như một “đòn bẩy” phát

triển kinh tế để từ đó đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, tránh bẫy tăng trưởng trung bình của thu nhập.

Dựa theo công trình của Aghion & Hewitt (2024), nghiên cứu đã đề xuất một mô hình tăng trưởng kinh tế, trong đó nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo. Các nghiên cứu trong tương lai có thể áp dụng mô hình này để giải thích ảnh hưởng của đổi mới sáng tạo (sáng tạo công nghệ mới hay cải tiến công nghệ) đến sự phát triển kinh tế của một quốc gia cụ thể, từ đó đề xuất xây dựng các chính sách phát triển kinh tế phù hợp.

Lời cảm ơn

Các tác giả cảm ơn Trung tâm DEPOCEN (Hà Nội) và đặc biệt Nguyễn Hải Hồng - cán bộ DEPOCEN đã cung cấp số liệu và đã dành thời gian để chuyển số liệu tính theo giá trị USD hiện hành qua giá trị USD năm 2010.

Tài liệu tham khảo

- Aghion, P. & Howitt, P.W. (2024), *The Economics of Growth*, The MIT Press.
- Giang, S. (2016) ““Bãi rác công nghệ” - không còn là cảnh báo!”, <https://nhandan.vn/bai-rac-cong-nghe-khong-con-la-canh-bao-post272709.html>, truy cập ngày 15/09/2016.
- Le-Van, C. & Tran-Nam, B. (2023), “Comparing the Harrod-Domar, Solow and Ramsey growth models and their implications for economic policies”, *Fulbright Review of Economics and Policy*, Vol. 3 No. 2, pp. 167-183.
- Schumpeter, J.A. (1942), *Capitalism, Socialism, and Democracy*, 1st Edition, Harper & Brothers, New York.
- Trần, T.M.T. (2022), “Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản*, https://tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825408/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx, truy cập ngày 10/10/2024.